

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Nghiên;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Minh Thắng;

- Ông Châu Anh Tế.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hoài Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo:

**NGUYỄN HỮU C**, sinh ngày: 29/6/1998, tại: Bình Định; nơi cư trú: thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo tại ngoại; “có mặt”.

**- Bị hại:** Ông: Trần L, sinh năm 1955; cư trú tại thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Cháu Trần Anh Nh, sinh ngày 30/6/2006; cư trú tại thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; “có mặt”.

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Anh Nh: Bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ của Trần Anh Nh); cư trú tại thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; “có mặt”.

+ Cháu Trần Văn H, sinh ngày 29/4/2004; cư trú tại thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; “có mặt”.

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Văn H: Bà Huỳnh Thị S (là mẹ của Trần Văn H); cư trú tại thôn V, xã A, huyện A, tỉnh Bình Định; “có mặt”.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Anh Nh, là cháu nội của ông Trần L và bà Lê Thị L. Trong thời gian sống, ở chung tại nhà, Nh nhìn thấy ông L cất tiền, vàng trong hộc tủ ở trong phòng buồng và cất chìa khóa trong tủ thờ, nên Nh đã nhiều lần lấy trộm tài sản của ông L để tiêu xài, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Khoảng cuối tháng 6/2018, Nh lấy của ông Trần L 7.000.000đ, sau đó rủ Trần Văn H đi mua điện thoại tại cửa hàng điện thoại di động H 4 (XPN - A). Tuy nhiên, nhân viên không bán nên Nh và H đi đến cửa hàng Văn C mua 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A71 với giá 3.390.000đ. Số tiền còn lại Nh và H tiêu xài, mua đồ chơi và ăn uống hết.

- **Lần thứ hai:** Khoảng tháng 8/2018, Nh tiếp tục lấy 5.000.000đ của ông Trần L. Sau đó, Nh đến xưởng mộc nhà Nguyễn Hữu C (VK- A) cho Trương Công S 500.000đ. Lúc này, chỉ có S và Nh, S hỏi Nh “tiền ở đâu”, Nh trả lời “tiền em lấy trong bùng bình, em cho anh”. S nhận số tiền và tiêu xài hết. Số tiền còn lại Nh ăn uống, mua đồ chơi và tiêu xài.

- **Lần thứ ba:** Khoảng đầu tháng 9/2018, sau khi bị mất điện thoại Oppo A71, Nh lấy tiếp 7.000.000đ của ông Trần L. Sau đó, Nh nhờ Nguyễn Hữu C chở đi mua điện thoại. C hỏi Nh: “tiền ở đâu” Nh trả lời “tiền em lấy trong bùng bình”. Mặc dù hỏi vậy nhưng C biết chắc rằng tiền Nh có được do trộm cắp mà có, nhưng trộm cắp của ai thì C không biết. C chở Nh đi đến tiệm điện thoại A (XPB - A), trên đường đi C vào cây xăng đổ xăng hết 50.000đ, mua áo mưa hết 40.000đ. Đến cửa hàng điện thoại, Nh mua 01 điện thoại Samsung J4 với số tiền 2.990.000đ, mua card điện thoại, ốp lưng, kính cường lực... tiền mua điện thoại Nh đưa cho C trả cho chủ cửa hàng. Điện thoại Samsung J4 Nh sử dụng, số tiền còn lại Nh dùng ăn uống, mua đồ chơi và tiêu xài.

- **Lần thứ tư:** Khoảng cuối tháng 9/2018, sau khi điện thoại Samsung J4 bị mất, Nh tiếp tục lấy số tiền 4.000.000đ của ông Trần L và đưa cho C nhờ mua điện thoại giúp Nh. Mặc dù Nh không nói rõ nguồn gốc số tiền nhưng C biết tiền này do Nh trộm cắp mà có. C đến cửa hàng Thế Giới di động ở B mua cho Nh 01 điện thoại Huawei Y6 với giá 2.990.000đ, C đổ xăng 50.000đ từ số tiền Nh đưa. Khi về C đưa điện thoại và số tiền còn dư cho Nh, Nh đưa cho C mấy chục nghìn tiền lẻ, C lấy tiêu xài. Số tiền còn lại Nh ăn uống, mua đồ chơi và tiêu xài cá nhân.

- **Lần thứ năm:** Khoảng giữa tháng 10/2018, do biết Nh có tiền, nên C hỏi mượn tiền Nh để tổ chức sinh nhật cho bạn gái, Nh không nói gì. Một ngày sau, Nh tiếp tục lấy số tiền còn lại của ông Trần L rồi đem đến nhà đưa cho C mượn 2.000.000đ. Số tiền còn lại Nh ăn uống, mua đồ chơi và tiêu xài hết.

- **Lần thứ sáu:** Khoảng tháng 11/2018, Nh lén lấy số vàng cất trong chiếc tất màu xanh để trong tủ và nhờ C đem đi B để bán lấy tiền mua xe đạp điện cho Nh. Khi Nh đưa chiếc tất thì không nói đây là số vàng do trộm cắp mà có nhưng C biết chắc số vàng này do Nh trộm cắp, nên C từ chối bán vàng giúp và trả lại chiếc tất cho Nh, nhưng Nh không dám đem về nhà. Nh nhờ C giữ chiếc tất giùm Nh 01 đêm. C đem chiếc tất chứa vàng để ở giường trong phòng ngủ. Sáng hôm sau, Nh đến nhà C lấy chiếc tất. Khi đi học về, Nh không dám đem chiếc tất đựng vàng về nhà nên nhờ Trần Văn H giữ, H cầm chiếc tất về để ở nhà H. Quá trình cất giữ, H làm mất chiếc tất đựng vàng.

Ngày 30/11/2018, ông Trần L phát hiện bị mất số tài sản gồm 27.000.000đ và 15,8 chỉ vàng. Nh nói với ông L số vàng đưa H cất giữ giùm, ông L và Nh đến nhà thì H nói chiếc tất đã bị mất. Đến ngày 03/12/2018, H tìm thấy chiếc tất bên trong chứa 09 chiếc nhẫn vàng nên giao nộp cho Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, C khai nhận ngoài số tiền trên, Nh còn cho C số tiền 500.000 để mua pô xe máy, 500.000đ để C sửa màn hình điện thoại. Số tiền mà Nh cho C có khi vài chục, có khi hơn 100.000đ. Tổng số tiền mà Nh cho C và cho C mượn từ tháng 7/2018 đến tháng 11/2018 khoảng 6.780.000đ.

Vật chứng vụ án thu giữ gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung và 09 chiếc nhẫn vàng. Số tài sản này, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

- Tại kết luận định giá số 11/KLĐG ngày 12/8/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện A xác định: giá trị chiếc điện thoại Samsung mà C mua cho Nh có giá 2.990.000đ, giá trị điện thoại Huawei mà C mua cho Nh có giá 2.290.000đ. Tổng số tiền mà C giúp Nh mua điện thoại là 5.280.000 đồng.

- Tại kết luận định giá số 01/KLĐG ngày 10/01/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện A, xác định 09 chiếc nhẫn vàng mà C cất giữ cho Nh có giá 55.416.000 đồng.

Bị cáo C có 02 lần mua điện thoại giúp cho Nh, tiêu thụ số tiền 6.780.000 đồng và cất giữ 09 chiếc nhẫn vàng có giá 55.416.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 04/CT-VKSAL, ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu C về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu lời luận tội và phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 55 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 03 tháng tù về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 03 tháng tù về tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Người bị hại: Có đơn xin vắng mặt, bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự, về phần hình phạt xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thu thập trong quá trình điều tra, được thẩm tra xem xét tại

phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018, Trần Anh Nh đã 06 lần trộm tiền và vàng của ông Trần L để tiêu xài. Mặc dù, biết rõ số tiền và số vàng mà Trần Anh Nh có được là do trộm cắp mà có. Tuy không hứa hẹn trước nhưng Nguyễn Hữu C đã tiêu thụ tổng số tiền 12.060.000 đồng, trong đó: có 02 lần mua điện thoại cho Nh với số tiền 5.280.000 đồng; trực tiếp tiêu thụ số tiền 6.780.000 đồng; ngoài ra, bị cáo còn giúp Nh chứa chấp 09 chiếc nhẫn vàng, có giá trị 55.416.000 đồng. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Hữu C phạm 02 tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự và tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự (BLHS).

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ đây là tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng bị cáo vẫn chứa chấp và trực tiếp tiêu thụ tài sản. Hành vi này, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình, lẽ ra bị cáo ngăn cản hành vi của Nh mới đúng, nhưng do bị cáo háms lợi, lười lao động, thích ăn chơi, hưởng thụ tài sản của người khác. Bị cáo cùng lúc thực hiện hai hành vi phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo phạm tội trên 2 lần về tiêu thụ, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, HĐXX nhận thấy rằng bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này, mặc dù Trần Anh Nh nhiều lần trộm cắp tài sản, nhưng đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, Nh mới tròn 12 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự.

Đối với Trần Văn H đã thực hiện tiêu thụ tài sản và chứa chấp tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì H chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử lý hành chính đối với H là đúng quy định.

Đối với Trương Công S đã nhận số tiền 500.000đ do Nh cho, nhưng S không biết số tiền này là do Nh trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A không khởi tố Trương Công S là có căn cứ.

[4] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm, nên HĐXX miễn xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Nguyễn Hữu C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, thực hành quyền công tố nhà nước, kiểm sát việc xét xử, đề nghị áp dụng các điểm, Điều, khoản và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX.

***Vì các lý do trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu C** phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” và tội: “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 55 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

***Xử phạt:*** Bị cáo Nguyễn Hữu C 03 (ba) tháng tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” và 03 (ba) tháng tù về tội: “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về án phí HSST: Bị cáo Nguyễn Hữu C phải chịu 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Án xử có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/6/2020). Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công an huyện A;
- CQ THAHS Công an huyện A;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

- Chi cục THADS huyện A;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Ngọc Nghiên**